

Số: 89/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 17 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Đông Nam bên xe thành phố Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 34/BCTĐ-SXD ngày 16/01/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Đông Nam bên xe thành phố Sơn La với các nội dung chính sau:

Tên đồ án: *Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Đông Nam bên xe thành phố Sơn La.*

Chủ đầu tư: *Công ty cổ phần Giang Sơn.*

Đơn vị tư vấn: *Trung tâm quy hoạch và đô thị nông thôn Sơn La.*

(Có hồ sơ kèm theo)

A. Nội dung chính của đồ án:

I. Ranh giới, quy mô, tính chất, chức năng:

1. Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch:

Ranh giới nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch cơ bản dựa trên cơ sở ranh giới đã được phê duyệt, phạm vi quy hoạch chi tiết khu dân cư tổ 1 phường Quyết Tâm và bản Nà Cạn phường Chiềng Sinh thành phố Sơn La, cụ thể:

- Phía Tây Bắc giáp bên xe chính và dự án khu dân cư phía Tây Bắc bên xe.
- Phía Tây Nam giáp đường quốc lộ 6.
- Phía Đông Bắc giáp đồi cây bản Nà Cạn.
- Phía Đông Nam giáp đường quốc lộ 6.

2. Quy mô, tính chất, chức năng:

2.1 Quy mô

* Quy mô dân số: 3.000 người.

* Quy mô đất đai:

- Diện tích nghiên cứu: khoảng 20 ha.
- Diện tích quy hoạch: 15,5 ha. Bao gồm:
 - + Khu A (phía Đông Bắc quốc lộ 6): 13,7 ha.
 - + Khu B (Phía Tây Nam quốc lộ 6): 1,8 ha.

2.2 Tính chất:

Là khu ở và các công trình công cộng, dịch vụ phục vụ trong khu vực quy hoạch.

2.3 Chức năng:

Bao gồm các khu chức năng:

- Khu kinh doanh dịch vụ thương mại.
- Khu tái định cư Q.L 6 và tái định cư bản Nà Cạn.
- Khu ở thấp tầng
- Khu ở nhà liền kề.
- Khu các công trình công cộng của khu dân cư.

II. Kiến trúc cảnh quan và quy hoạch sử dụng đất:

1. Kiến trúc cảnh quan:

Nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc phù hợp với quy hoạch chung là khu ở và dịch vụ tổng hợp.

- Bố cục không gian kiến trúc toàn khu: thấp về phía Tây nam và cao dần về phía Đông bắc của đồ án nhằm tận dụng tối đa địa hình tự nhiên khu vực quy hoạch.

- Lấy trục không gian cảnh quan và hướng nhìn chính là trục đường quốc lộ 6 làm bố cục chủ đạo.

+ Bố cục không gian đường phố theo hình thức tự do, phù hợp với điều kiện địa hình miền núi.

+ Bố cục không gian khu ở: bố trí dọc theo tuyến giao thông chính và các tuyến giao thông nhánh của khu vực quy hoạch.

+ Bố cục không gian cảnh quan tự nhiên: chạy dọc suối thoát lũ và xen kẽ với các công trình công cộng và khu ở khác.

2. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng đất

(đơn vị tính m²)

Số TT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ (%)
Khu A	Tổng diện tích đất QH	137.000	100%
I	Đất ở	65.772	48,01%
1	Đất ở liền kề	49.030	32,08%
2	Đất ở biệt thự	12.010	8,77%
3	Đất ở cũ	4.732	3,45%
II	Đất công trình công cộng	8.983	6,56%
1	+ Đất Chợ	3.156	2,30%
2	+ Đất Văn hoá tổ	2.279	1,66%

3	+ Đất dịch vụ thương mại	2.114	1,54%
4	+ Đất nhà trẻ mẫu giáo	1.434	1,05%
III	Đất giao thông	41.430	30,24%
1	+ Mặt Đường giao thông	22.912	16,72%
2	+ Vĩa hè giao thông	18.518	13,52%
IV	Đất cây xanh thể dục thể thao + mặt nước	6.036	4,40%
1	+ Đất cây xanh TĐTT	3.594	2,62%
2	+ Đất mặt nước	2.442	1,78%
V	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	14.779	10,79%
1	+ Bến xe tỉnh	360	0,26%
2	+ Đất xây kè suối	3.654	2,67%
3	+ Đất HT kỹ thuật khác	10.765	7,86%
Khu B	Tổng diện tích đất quy hoạch	18.000	100%
I	Đất ở	5.043	28,02%
1	Đất ở biệt thự	2.106	11,70%
2	Đất ở liền kề	1.414	7,86%
3	Đất ở cũ	1.523	8,46%
II	Đất kinh doanh (đất TĐC cho DN)	1.794	9,97%
III	Đất cây xanh thể dục thể thao	6.987	38,82%
IV	Đất giao thông	3.823	21,24%
V	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	353	1,96%

(có bản đồ quy hoạch sử dụng đất kèm theo).

III. Thiết kế đô thị

1. Mặt đứng các tuyến phố:

Thiết kế mặt đứng của các công trình sao cho phù hợp với công trình lân cận, tạo được mặt đứng thống nhất về kiến trúc, cùng với yếu tố màu sắc, ánh sáng cũng phải phù hợp, thống nhất cách trang trí, hàng rào cây xanh, bồn hoa. Tuân thủ chỉ giới xây dựng, nhịp điệu kiến trúc phong phú, kết hợp vật liệu địa phương, phong cách kiến trúc truyền thống mang đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Các không gian công cộng:

Thiết kế các không gian linh hoạt, tạo các hoạt động giao lưu công cộng; Bố trí hệ thống biển hiệu thống nhất, mạch lạc.

3. An ninh và cảm giác an toàn:

Tạo cảm giác an toàn cho các khu vực đô thị thông qua: Thiết kế sao cho có sự giám sát tự nhiên và có người trong khu vực. Hàng rào hoa sắt, cây xanh thông thoáng. Bố trí công trình hướng ra không gian công cộng, các tuyến giao thông chính.

4. Kiến trúc công trình:

- Bố cục mặt đứng công trình: Tạo sự cảm nhận không gian hình khối kiến trúc công trình được cảm nhận từ xa và khi đến gần, sự cảm nhận bằng mặt đứng kiến trúc và những chi tiết của công trình. Mặt đứng công trình có tỷ lệ thích hợp theo chiều đứng, chiều ngang.

- Các công trình đều xây dựng có cốt sàn bằng cốt vữa hè, cốt nền cao hơn so với cốt vữa hè là 450 mm, chiều cao tầng 1 cao 3,6. Tầng cao tối thiểu là 2 tầng và tối đa là 4-5 tầng.

- Thiết kế các công trình: Theo hai phong cách dân tộc và hiện đại:

+ Phong cách dân tộc: Tạo ra các không gian với những công trình mang phong cách tuyên thống, màu sắc nhẹ nhàng, ấm áp.

+ Phong cách hiện đại: Tạo ra những điểm nhấn khu vực như chợ, trung tâm thương mại màu sắc mạnh mẽ, đặc trưng gây ấn tượng.

- Đối với công của công trình phải được thiết kế gắn liền với kiến trúc của công trình. Hàng rào trong khu vực trên các tuyến phố nên làm thoáng bằng cách kết hợp xây tường, các song sắt và cây xanh, hình thức phía dưới xây tường rào đặc cao 0,5 – 0,7m, phần trên hàng rào hoa sắt.

5. Hệ thống tiện ích đô thị:

- Những yếu tố tạo nên sự hấp dẫn cho đô thị ngoài những nền tảng cơ bản như hạ tầng kỹ thuật, chiếu sáng đường phố,...những yếu tố sau là những yếu tố đánh giá chất lượng hình ảnh, cuộc sống của đô thị:

+ Biển chỉ dẫn: Bố trí tại những nơi giao cắt hay những nơi có các điểm nổi bật của thị trấn giúp cho người đi lại có thể biết được thông tin khi tham gia giao thông. Thống nhất màu sắc, kiểu dáng, cách thức đặt biển, màu sắc tương phản như màu xanh lam chữ trắng. Phân biệt các loại biển chỉ dẫn:

+ Biển quảng cáo, thông tin đặc biệt, triển lãm: Kiểu dáng phong phú, kích thước không quá lớn, có đèn rọi khi trời tối với nhiều màu sắc,... không quá lớn dẫn đến che khuất tầm nhìn cảnh quan.

+ Biển báo: Đặt trên các tuyến phố giúp người tham gia giao thông nắm được tính chất của nơi mình đang tham gia giao thông. Kích cỡ của các biển báo này cũng phải được quy định thống nhất theo quy định của từng ngành.

+ Đèn chiếu sáng: Có hiệu quả đặc biệt vào buổi tối, thường để làm nổi bật, nhấn mạnh những ngôi nhà, những công chính, những điểm đặc biệt. Bố trí đèn chiếu sáng trong khuôn viên công viên, ngoài đường phố phải đủ cường độ sáng cho người đi lại.

+ Đèn trang trí và đèn hắt rọi: Làm nhấn mạnh các công trình kiến trúc hay những biển quảng cáo, tranh hoành tráng. Các loại đèn này nên sử dụng phong phú về kiểu dáng cũng như màu sắc.

+ Đặt thùng rác, các chỉ dẫn mang nhiều phong cách thêm phần sinh động, tạo cảm giác thoải mái cho người đi bộ... Đặt cách nhau 20m, được thiết kế có hình dáng, kích thước, màu sắc phù hợp, ưa nhìn thuận lợi với việc lấy rác, không gây ô nhiễm, không gây ảnh hưởng tới cảnh quan.

IV. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

1. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Trên cơ sở cao độ hiện có của đường Quốc lộ 6, cao độ hiện trạng của đường hiện có xung quanh khu đất, lựa chọn cao độ san nền đảm bảo các yếu tố sau:

+ Đảm bảo sự tiêu thoát nước nhanh, không ngập lụt trong quá trình sử dụng.

+ Đảm bảo sự thống nhất của hệ thống thoát nước mưa trong khu vực xây dựng, không làm ảnh hưởng đến sự tiêu, thoát nước mưa của khu vực lân cận.

- + Khối lượng thi công đào đắp là ít nhất.
- + Đảm bảo thoát nước tự chảy, có độ dốc thoát nước mặt từ 0,2-0,3%.
- + Hướng thoát nước từ trong nền các lô đất về hệ thống thoát nước đặt trên hệ thống đường giao thông, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2. Giao thông:

Hệ thống giao thông trong khu vực được chia làm các tuyến cụ thể như sau:

- Đường trục chính: Bao gồm 04 loại mặt cắt ngang đường như sau:

+ Mặt cắt 1-1: $B_n=15,0m$; $B_m=9,0m$; Vĩa hè $2 \times 3,0m$; $L=869,30m$.

+ Mặt cắt 2-2: $B_n=11,5m$; $B_m=5,5m$; Vĩa hè $2 \times 3,0m$; $L=796,27m$.

+ Mặt cắt 3-3: $B_n=10,5m$; $B_m=5,5m$; Vĩa hè $1 \times 2,0 + 1 \times 3,0m$; $L=57,71m$.

+ Mặt cắt 4-4: $B_n=9,5m$; $B_m=5,5m$; Vĩa hè $2 \times 2,0m$; $L=1.926,83m$.

- Đường nhánh nội bộ khu vực:

+ Mặt cắt 5-5: $B_n=3,5m$; $B_m=3,5m$; $L=66,96m$.

- Cầu bê tông cốt thép trên tuyến:

+ Cầu 01: $B_m=5,5m$; Vĩa hè $2 \times 3,0m$; $L=6,0m$.

+ Cầu 02: $B_m=5,5m$; Vĩa hè $2 \times 3,0m$; $L=6,0m$.

+ Cầu 03: $B_m=9,0m$; Vĩa hè $2 \times 3,0m$; $L=6,0m$.

+ Cầu 04: $B_m=5,5m$; Vĩa hè $2 \times 3,0m$; $L=6,0m$.

+ Cầu 05: $B_m=9,0m$; Vĩa hè $2 \times 3,0m$; $L=6,0m$.

3. Cấp nước:

- Nguồn nước: Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ dự án cấp nước chung của thành phố.

- Mạng lưới cấp nước: Thiết kế mạng lưới cấp nước sản xuất đối với tuyến chính từ $\Phi 90$ đến $\Phi 150$, và đối với tuyến nhánh từ $\Phi 30$ đến $\Phi 60$ đi ngầm dưới vỉa hè của các tuyến giao thông.

- NNước cứu hỏa sử dụng chung cùng hệ thống, được đặt trên các tuyến ống có $D \geq 100m$, bán kính cứu hỏa khoảng 150m.

4. Cấp điện:

- Nguồn cấp điện: Hiện tại khu vực dự án đang được cấp điện từ hệ thống điện quốc gia, trực tiếp cấp từ trạm 35/22/0,4kV, dự kiến khu đô thị sẽ lấy điện trực tiếp từ các tuyến dây xuất tuyến của trạm này.

- Mạng lưới cấp điện: Các tuyến điện bố trí đi nổi trên hệ thống cột điện bê tông khoảng cách trung bình giữa các cột 40 - 50m.

- Chiếu sáng đô thị: Điện chiếu sáng đèn đường phục vụ giao thông đi lại, đảm bảo an ninh khu vực đồng thời tạo cảnh quan cho đô thị. Chiếu sáng đường, công trình công cộng dùng đèn thủy ngân cao áp 220V-125 W, khoảng cách giữa các cột đèn từ 50-70m.

5. Thoát nước mặt:

Bố trí các hố thu nước đặt tại mép đường. Nước mưa được thu vào các hố ga bố trí trên mạng lưới thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước mưa được đặt ở hè đường. Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu và độ dốc san nền.

chạy sát mép bó vỉa. Công thoát nước mưa là công tròn BTCT có đường kính từ D400 đến D1500 và công hộp có kích thước 600x800mm.

6. Thoát nước bản và VSMT:

- Hệ thống thoát nước thải của đô thị được thiết kế độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước thải sử dụng ống HDPE có đường kính D150-D300. Nước thải sinh hoạt được thu gom tại một số điểm cục bộ và phải xử lý cục bộ đạt cấp C rồi mới xả vào hệ thống thoát nước thải tập trung của đô thị. Sau đó nước thải được xử lý trong trạm xử lý nước thải tập trung đạt cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 6984 -2001 trước khi xả thải vào hệ thống chung của thành phố được xây dựng ngầm tại khu vực cây xanh giáp với suối thoát lũ tạo cảnh quan khu vực.

- Trên mặt bằng bố trí các thùng chứa rác theo 2 loại, loại chứa rác hữu cơ và loại chứa rác vô cơ, mỗi điểm chứa khoảng 0,03m³, đặt giáp hàng rào phân hệ phố, vị trí thuận tiện, dễ nhìn thấy trên toàn khu vực, được thu gom bằng xe chuyên dụng vào thời gian nhất định trong ngày.

7. Thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc được bố trí đi dọc theo tuyến giao thông chính đô thị đến tận các khu dân cư.

8. Tổng hợp hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Ưu tiên bố trí các loại đường ống tự chảy có kích thước lớn, thi công và bảo dưỡng khó.

- Đảm bảo khoảng cách tối thiểu theo tiêu chuẩn quy phạm, giữa các đường ống, đường dây với nhau và hạn chế giao cắt giữa các tuyến kỹ thuật.

- Bố trí hệ thống đường ống, đường dây đi trên vỉa hè hoặc hành lang kỹ thuật riêng; trường hợp phải bố trí dưới lòng đường xe chạy thì chỉ bố trí những đường ống ít bị hư hỏng, ít phải sửa chữa và phải đảm bảo kết cấu bảo vệ theo quy định.

- Thiết kế chi tiết tổng hợp đường dây, đường ống cần bảo đảm sự hợp lý về bố trí mặt bằng và chiều sâu đặt các tuyến ống, đảm bảo an toàn khi vận hành và quá trình thi công, bảo dưỡng sau này.

V. Đánh giá môi trường chiến lược:

1. Hiện trạng môi trường khu vực quy hoạch:

1.1. Tài nguyên môi trường nước:

Nguồn nước mặt trong khu vực quy hoạch rất phong phú do vị trí lập quy hoạch nằm giáp dòng suối, có nguồn nước tự nhiên. Tuy nhiên do sự phát triển đô thị chưa được quản lý tốt nên dẫn đến ô nhiễm nguồn nước trên dòng suối là phải lưu ý, cần có giải pháp hữu hiệu để giảm mức độ ô nhiễm nguồn nước trên.

1.2. Tài nguyên đất:

Đây là vùng đất ruộng giáp suối thường bị ngập lụt vào những năm có lượng mưa lớn nên khi xây dựng phải san lấp cải tạo.

Trên cơ sở đánh giá các yếu tố tự nhiên, điều kiện xây dựng, cơ sở hạ tầng việc đánh giá phân hạng các loại đất theo mức độ thuận lợi như sau.

Tổng diện tích trong khu vực nghiên cứu là 16 ha *Chưa*.

Đất xây dựng thuận lợi là những khu đất ruộng, không có các công trình xây dựng kiên cố, ít phải bồi thường giải phóng mặt bằng đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuận lợi.

1.3. Hiện trạng môi trường không khí:

Nhìn chung môi trường không khí ở Sơn la nói chung và khu vực lập quy hoạch nói riêng, độ ô nhiễm không đáng lo ngại. Do công nghiệp ở khu vực dự án vẫn chưa có, mật độ dân cư thấp. Do đó nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu là do vệ sinh môi trường của một số hộ dân cư và gây bụi của một số phương tiện tham gia giao thông. Do điều kiện kinh tế và quy mô của dự án chưa cho phép tiến hành lấy mẫu không khí và phân tích nên chưa thể đưa ra được những thông số về không khí một cách chính xác.

1.4. Hiện trạng môi trường sinh thái:

Hiện nay, tại khu vực môi trường sinh thái tương đối trong lành, chưa có nhiều các công trình xây dựng và mật độ dân cư còn thưa thớt.

2. Đánh giá tác động của dự án đến môi trường:

Các tác động của dự án đến môi trường bao gồm: Tác động tới môi trường nước, môi trường đất và cảnh quan, môi trường không khí, tác động của chất thải rắn, tác động đến kinh tế xã hội, tác động y tế và sức khoẻ cộng đồng...

3. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực:

3.1. Trước giai đoạn thi công:

- Các nguồn ô nhiễm: Trong giai đoạn này công việc chủ yếu là giải phóng mặt bằng, đền bù đất đai, sắp xếp di chuyển. Không có nguồn ô nhiễm đến môi trường thiên nhiên trong giai đoạn này mà chủ yếu là tác động đến kinh tế xã hội của cán bộ, nhân dân trong khu vực.

- Giải pháp: thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ đúng với chính sách của nhà nước và của tỉnh đảm bảo cho nhân dân có cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi cũ.

3.2 Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm trong giai đoạn thi công và những năm tiếp sau:

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ hệ thống giao thông:

- Quy định tốc độ xe đoạn chạy qua khu dự án, hạn chế bấm còi.

- Quy hoạch trồng cây xanh hai bên đường, cây xanh sẽ làm giảm mức độ lan toả của bụi khí, làm giảm nhiệt độ. Nếu như các dải cây xanh được xây dựng tại đây theo đúng ý đồ quy hoạch thì cũng sẽ góp phần đáng kể làm giảm bớt các tác động tiêu cực từ các nguồn ô nhiễm không khí. Không những thế nó còn có khả năng cải thiện phần nào không khí của khu vực (hạ nhiệt độ, tạo thông thoáng,...).

b) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước:

- Xây dựng đồng bộ mạng lưới thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, nguồn thu, hướng thoát hợp lý trong khu quy hoạch.

c) Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tác động đến môi trường đất:

- Có các biện pháp xử lý hữu hiệu các điểm thu gom rác.

- Kiểm tra theo dõi các hiện tượng nứt vỡ rò rỉ tắc nghẽn hệ thống nước thải.

- Quy hoạch cây trồng, quản lý nước thải và rác thải để không bị ảnh hưởng đến chất lượng đất gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

d) Các giải pháp can thiệp do tác động của chuyển đổi cơ cấu kinh tế xã hội:

- Đảm bảo nước sạch ngay từ đầu.
- Kiểm tra nồng độ các chất trong không khí và trong nước.
- Giáo dục, nâng cao ý thức vệ sinh môi trường cho người dân.

VI. Nguồn vốn và phân kỳ đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Vốn doanh nghiệp và vốn huy động khác.

2. Phân kỳ đầu tư:

- Tổng số vốn để đầu tư toàn bộ dự án ước tính khoảng 109,25 tỷ đồng.
Được phân làm 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Từ năm 2012 đến năm 2013: Đầu tư xây dựng toàn bộ dự án san nền và hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật. Tổng vốn đầu tư khoảng 88,72 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2: Từ năm 2014 trở đi: Đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Tổng vốn đầu tư cho giai đoạn này khoảng 20,53 tỷ đồng.

Điều 2. Giao chủ đầu tư là Công ty cổ phần Giang Sơn:

- Phối hợp đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ được duyệt, chuyển giao cho các cơ quan quản lý theo quy định hiện hành.

- Chủ đầu tư tiến hành tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch, cắm mốc giới quy hoạch và ban hành điều lệ quản lý quy hoạch sau khi có sự thoả thuận với Sở Xây dựng để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

- Tổ chức lập các dự án đầu tư xây dựng giai đoạn đầu theo thứ tự ưu tiên đúng quy hoạch và Luật Xây dựng.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Văn hoá thể thao và Du lịch, Công Thương, Chủ tịch UBND thành phố Sơn La; Giám đốc công ty cổ phần Giang Sơn; Công ty điện lực Sơn La; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh uỷ, HĐND (B/c);
- TT: UBND Tỉnh – Đ/c Minh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT – Châu (25b) *Châu*.



CHỦ TỊCH

Cầm Ngọc Minh